



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM

NGUYỄN
Last

BÍCH
Middle

NGÂN
First

Current Address

19/2 ấp Đình An Khánh Thủ Đức HỒ CHÍ MINH CITY

Date of Birth

OCT - 2nd - 1942

Place of Birth

TRAVINH

Previous Occupation (before 1975)
(Rank & Position)

VIETNAMESE NAVY LIEUTENANT, MAINTENANCE OFFICER

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP

Dates : From JUNE 23, 1975 To JAN. 28, 1982

3. SPONSOR'S NAME:

Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

1. NGUYỄN HỮU HOÀNG

FIRST COUSIN

2. ĐÀM ĐÌNH BÌNH

FRIEND

3. LIEUTENANT SPEED (USN) ADMINISTRATION SECTION
at NAVAL AMPHIBIOUS SCHOOL - NAVAL AMPHIBIOUS
BASE

FORMER ADVISOR
HQ329 SHIP (VNN)
USA (1974) (1971)

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: AUG. 15, 1989

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN BÍCH NGÂN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. NGUYỄN HỮU PHÚC	AUG. 23-1971	SON
2. NGUYỄN THIÊN DUYÊN	FEB. 5-1973	DAUGHTER
3. NGUYỄN THIÊN LỘC	OCT - 8 - 1986	DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

NONE

6. ADDITIONAL INFORMATION :

NONE

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

Hô 30 100.11

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN BÍCH NGÂN
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : 01 2 1942
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 19/2 Ấp Đình, AN KHANH, THỦ ĐỨC, HỒ CHÍ MINH
 (Dia chi tai Viet-Nam) _____ CITY

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____

If yes (Neu co): From (Tu): JUN 23 1975 To (Den): JAN 28, 1982

PLACE OF RE-EDUCATION: LONG GIAD, HOC MON, 230C HAM TAN
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): TO STEER A SHIP, DECK OFFICER

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): NAVAL GUNFIRE WAISON OFFICER COURSE (CORONADO)
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): VIETNAMESE NAVY LIEUTENANT
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____ Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): X

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 03
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 19/2 Ấp Đình, AN KHANH,
THỦ ĐỨC, HỒ CHÍ MINH CITY

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
NGUYỄN HỮU HOÀNG

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): FIST COUSIN

NAME & SIGNATURE: NGUYỄN BÍCH NGÂN

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

19/2 Ấp Đình, AN KHANH, THỦ ĐỨC, HỒ CHÍ MINH CITY

DATE: AUG 15 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN BÍCH NGÂN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. NGUYỄN HỮU PHÚC	AUG 23 1971	SON
2. NGUYỄN THIÊN DUYÊN	FEB 5 1973	DAUGHTER
3. NGUYỄN THIÊN LỘC	OCT 8 1986	DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

NONE

ADDITIONAL INFORMATION :

NONE



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : Yes

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN BÍCH NGÂN
Last Middle First

Current Address 19/2 ẤN ĐÌNH, AN KHÁNH, THỦ ĐỨC, HỒ CHÍ MINH CITY

Date of Birth OCT. 2nd 1942 Place of Birth TRAVINH

Previous Occupation (before 1975) VIETNAMESE NAVY LIEUTENANT, MAINTENANCE OFFICER
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From JUNE 23, 1975 To JAN 28, 1982

3. SPONSOR'S NAME: _____

Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

1. NGUYỄN HỮU HOÀNG

FIRST COUSIN

2. BÀM ĐÌNH BÌNH

FRIEND

3. LIEUTENANT SPEED (USN) ADMINISTRATION SECTION
at NAVAL AMPHIBIOUS SCHOOL - NAVAL AMPHIBIOUS BASE
(1974)

FORMER ADVISOR
HQ 329 SHIP (VNN)
(1971)

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: AUG. 15, 1989

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN BÍCH NGÂN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. NGUYỄN HỮU PHÚC	AUG 23 1971	SON
2. NGUYỄN THIÊN DUYÊN	FEB 5 1973	DAUGHTER
3. NGUYỄN THIÊN LỘC	OCT 8 1986	DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

NONE

ADDITIONAL INFORMATION :

NONE

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAD DON VE LY-LICH

H0 30 1001

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN BICH NGAN
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : OCT 2nd 1942
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): MALE Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 19/2 ấp ĐÌNH AN KHÁNH, THỦ ĐỨC, HỒ CHÍ MINH
 (Dia chi tai Viet-Nam) CITY

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____

If Yes (Neu co): From (Tu): JUN 23, 1975 To (Den): JAN 28, 1982

PLACE OF RE-EDUCATION: LONG GIAO, HOC MON, 330C HAM TAN
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): TO STEER A SHIP, DECK OFFICER

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): NAVAL GUNFIRE LIAISON OFFICER COURSE (CORONADO)
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): VIETNAMESE NAVY, LIEUTENANT
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____

Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): X

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 03
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 19/2 ấp ĐÌNH AN KHÁNH,
THỦ ĐỨC, HỒ CHÍ MINH CITY

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
NGUYEN HUU HOANG

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): FIRST COUSIN

NAME & SIGNATURE: NGUYEN BICH NGAN

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

19/2 ẤP ĐÌNH AN KHÁNH, THỦ ĐỨC, HỒ CHÍ MINH CITY

DATE: AUG 15 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN BÍCH NGÂN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. NGUYỄN HỮU PHÚC	AUG. 23. 1971	SON
2. NGUYỄN THIÊN DUYÊN	FEB. 5. 1973	DAUGHTER
3. NGUYỄN THIÊN LỘC	OCT. 8. 1986	DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

NONE

ADDITIONAL INFORMATION :

NONE

FR: NGUYỄN BÍCH NGÂN
19/2 ẤP ĐÌNH, AN KHÁNH
THỦ ĐỨC, HỒ CHÍ MINH CITY

TO : FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435 ARLINGTON,

VA 22205-0635

USA



PAR AVION VIA AIR MAIL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **021789180**

Họ tên **NGUYỄN BÌNH NGÂN**



Sinh ngày **02-10-1942**

Nguyên quán **Cầu Long.**

Nơi thường trú **19/2 An Khánh,
Thị trấn, TP. Hồ Chí Minh.**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022216078**

Họ tên **NGUYỄN HỮU PHÚC**



Sinh ngày **23-8-1971**

Nguyên quán **Cửu Long.**

Nơi thường trú **19/2 An Khánh,
Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.**

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo: Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo tròn 0,3cm cách
0,2cm dưới sau cánh
mũi phải

Ngày 24 tháng 4 năm 1987

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Trần
Võ Việt Chanh



NGUYỄN BÌNH NGÂN - NGUYỄN VĂN PHÚC - NGUYỄN THIÊN DUYÊN - NGUYỄN THIÊN LỘC

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PhÁP NAM-PhẦN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

Nguyễn n-v-Thin

ÁN VINH BÌNH.

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Làng Long-Đức

(Extrait du registre des actes de naissance)

Tỉnh Trà Vinh (NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1942
(Année)

SỐ HIỆU 709
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	NGUYỄN-Bích-NGAN.
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	Garçon
Sanh ngày nào. (Date de naissance)	2 Octobre 1942.
Sanh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Long-Đức
Tên họ cha. (Nom et prénom du père)	Nguyễn-Hữu-Dà
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	Commerçant
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Long-Đức
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	La-thị-Nhất
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	Commerçante
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Long-Đức
Vợ chánh hay vợ thứ. (Son rang de femme mariée)	Femme de 1er rang.

Chúng tôi, Diệp-quan-Hồng
(Nous)

Chánh-án Tòa Vĩnh Bình
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Nguyễn-xuân-Lầu
(M)

Chánh-Lục-sự Tòa-án ở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal).

Vĩnh Bình, ngày 9 - 3 - 1962

CHÍNH-ÁN,
(PRÉSIDENT)



Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme),

Vĩnh Bình, ngày 9 - 3 - 1962

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF),

Nguyễn-xuân-Lầu

Giá tiền: 5\$00

(Coût)

Biên-lai số: II41/IO

(Quittance no)

Số hiện: 1613

KHAI SANH

1CH Y BQ CHÁNH NĂM 1971

Phú-Vinh, ngày 30/8/71

Ủy-Viên Bộ-Tịch

TRANG-VĂN-HAY

Tên họ ấu nhi:	NGUYỄN-HỮU-PHÚC
Phái:	nam
Sanh:	Ngày hai mươi ba tháng tám năm một ngàn chín trăm bảy mươi một.
Tại:	Bố-Sanah Bửu-Hoà Vinh-Bình
Cha:	Nguyễn-Bích-Ngân
Tuổi:	29 tuổi
Nghề - nghiệp:	Quản nhân
Cư trú tại:	Phú-Vinh
Mẹ:	Nguyễn-Thị-Bạch-Tuyết
Tuổi:	17 tuổi
Nghề nghiệp:	Môi trợ
Cư trú tại:	Phú-Vinh
Vợ:	Vợ Chánh hậu thứ số: 321
Người khai:	Nguyễn-Hữu-Dã
Tuổi:	58 tuổi
Nghề nghiệp:	Giáo-viên
Cư trú tại:	Phú-Vinh
Ngày khai:	Ngày 27 Tháng 8 năm 1971
Người chứng thứ nhất:	Nguyễn-Văn-Phổ
Tuổi:	54 tuổi
Nghề - nghiệp:	Thợ sơn
Cư trú tại:	Phú-Vinh
Người chứng thứ nhì:	Tăng-Nhuận-Thông
Tuổi:	23 tuổi
Nghề - nghiệp:	Quản nhân
Cư trú tại:	Phú-Vinh

Làm tại xã Phú-Vinh, ngày 27/8/1971
Người khai, Hộ lại, Nhân chứng,

Dã: Ký tên

Trang-văn-Hay
(Ký tên)

Phổ: Ký tên
Thông: Ký tên

Mã HT2/P3

Thành phố, tỉnh : Hà Nội

GIẤY KHAI SINH

SỐ 334

Quyền số 2/16

[illegible]

Họ và tên	Nguyễn Xuân Lữ		Nam, nữ	nữ
Sinh ngày tháng, năm	Ngày tám tháng mười một chín tám sáu (8/10/86)			
Nơi sinh	Bến Lèn phước Sơn			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Bích Ngân 1942/		Nguyễn Xuân Xê 1950	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt-Nam		Việt - Nam	
Nghề nghiệp	Chủ của		Công nhân	
Nơi ĐKNK thường trú	19/2 ấp 11 xã An Khánh		19/2 ấp 11 xã An Khánh	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Bích Ngân 1942 19/2 ấp 11 xã An Khánh			

Đã ký ngày 5 tháng 10 năm 1986

TMUBND

.. Ký tên, đóng dấu

• N (nh) rõ họ; tên, chức vụ)



Dein Freund

Bản này là Bản chính không hợp -

Thủ lý số : 46/LH

Ngày 27 tháng 7 năm 1982

67--) QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

Số : 25/QĐ/LH.

/-/-ôm nay, ngày 10 tháng 09 năm 1982, hồi 08 giờ sáng
Chúng tôi Tạ Văn Toàn, thẩm phán Tòa Án Nhân Dân Huyện Nhà Bè,
ngồi tại trụ sở Tòa Án, có cô Võ Ngọc Kim Tươi thư ký giúp việc
ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa :

Một bên là : Anh Nguyễn Bích Ngân, 41 tuổi, nghề nghiệp:
buôn bán, trú tại : 5/62 ấp 7A xã Tân Quy Huyện Nhà Bè, Thành phố
Hồ Chí Minh.

Bên kia là : Chị Nguyễn Thị Bạch Tuyết, 28 tuổi, nghề
nghiệp: nội trợ, trú tại: 26I khu 3 ấp 7A xã Tân Quy Huyện Nhà Bè.

Hai Bên đương sự đều có mặt.

/)/ ỘI DUNG SỰ VIỆC

Về quan hệ hôn nhân :

Anh Bích Ngân và chị Nguyễn Thị Bạch Tuyết kết hôn
vào năm 1970 trên cơ sở tự nguyện có lập hôn thú ngày tháng
năm 1970.

Vợ chồng hòa thuận hạnh phúc nên đã có 3 con chung
Hiện chết 1 còn 2 là : Nguyễn Hữu Phúc, sinh ngày 30-8-1971 (trai)
Nguyễn Thiên Duyên 5-2-1973 (gái)

Năm 1975, anh Nguyễn Bích Ngân đi học tập cải tạo, chị
Nguyễn Thị Bạch Tuyết ở nhà đã ăn ở với anh Quách Ngọc Minh và
có bốn con riêng với anh Minh.

Anh Nguyễn Bích Ngân và chị Nguyễn thị Bạch Tuyết đã
không ăn ở với nhau đã bảy năm nay mạnh ai nấy sống.

Nay cả hai anh chị tự xét thấy không còn khả năng
đoàn tụ nên đồng thỏa thuận xin ly hôn.

Về con cái :

Về con cái :

Anh Nguyễn Bích Ngân và chị Nguyễn thị Bạch Tuyết
hiện có 2 con chung như đã kể trên.

Nay hai người thỏa thuận để anh Nguyễn Bích Ngân nuôi
giữ hai cháu là : Nguyễn Hữu Phúc, (trai) và
Nguyễn Thiên Duyên (gái)

Vì chị Nguyễn Thị Bạch Tuyết hiện có 4 con riêng với người khác nên kinh tế gặp khó khăn, nên anh Nguyễn Bích Ngân thỏa thuận không yêu cầu chị Nguyễn Thị Bạch Tuyết đóng góp phí tổn nuôi con.

Về tài sản :

Anh Nguyễn Bích Ngân và chị Nguyễn Thị Bạch Tuyết có 1 căn nhà lợp tôn xây tường nền lát gạch bông, diện tích 4 m x 8m làm trên nền đất 4m x 7m mang số 26 lô 1 ấp 7A Xã Tân Quy, huyện Nhà Bè trị giá 20.000đ (hai mươi ngàn đồng). Vợ chồng thỏa thuận bán chia đôi mỗi người một nửa.

Sau khi nghe lời trình bày của hai bên đương sự và sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ.

Xét thấy hai bên đương sự thực tình tự nguyện thuận tình ly hôn, cũng như thuận bình về con cái và tài sản, là hợp lý hợp tình, không có gì trái pháp luật.

Căn cứ vào điều 25 , 29 , 30 , 31 , 32 và 33 luật hôn nhân gia đình công bố ngày 13 tháng 1 năm 1960.

Căn cứ điều 20 , 36 luật tổ chức Tòa Án công bố ngày 13 tháng 7 năm 1981.

TÒA ÁN

(✓) UYẾT (✓) LỆNH

1. Về quan hệ vợ chồng : Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Bích Ngân và chị Nguyễn Thị Bạch Tuyết

2. Về con chung : Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Bích Ngân và chị Nguyễn Thị Bạch Tuyết về con cái như sau :

Anh Nguyễn Bích Ngân nuôi giữ hai con chung là :

Nguyễn Hữu Phúc sinh ngày tháng năm 1981 (trai)

Nguyễn Thiên Duyên sinh ngày 5 tháng 2 năm 1973 (gái)

Tạm hoãn đóng góp phí tổn nuôi con cho chị Tuyết. Chị Nguyễn Thị Bạch Tuyết được quyền đi lại thăm nom giáo dục con chung. Vì quyền lợi con cái, khi cần thiết có thể thay đổi việc nuôi con và đóng góp phí tổn nuôi con chung.

3. Về tài sản : Anh Nguyễn Bích Ngân và chị Nguyễn Thị Bạch Tuyết có căn nhà mang số : 26 lô 1 ấp 7A Tân Quy, nhà lợp tôn, tường, xi măng, nền lát gạch bông trị giá 20.000đ nay chia mỗi người 10.000đ án phí dân sự sơ thẩm 10đ mỗi bên nộp phân nửa.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày ra Quyết định này.

/)/hà Bè, ngày 10 tháng 9 năm 1982

THẨM PHÁN TẠ VĂN TOÀN (đã ký)

Sao y bản chính

/)/hà Bè, ngày 16 tháng 10 năm 1984

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ



[Handwritten signature]

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT 13/P3

Xã, Thị trấn: Tân Quý

Thị xã, Quận: Nhà Bè

Thành phố, Tỉnh: Hồ Chí Minh

BẢN SAO

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 45
Quyển số 01

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bí danh	Nguyễn Bích Ngân / không	Nguyễn Thị Xê / không
Sinh ngày, tháng, năm hay tuổi	1942	1950
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh Việt Nam
Nghề nghiệp	Thợ sửa	Công nhân
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	26 I ấp 7A Tân Quý Nhà Bè Hồ Chí Minh	19/2 An Khánh Thị trấn Đức
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu		021428909

Đăng ký, ngày 20 tháng 4 năm 1983

TM / UBND Tân Quý Ký tên đóng dấu
(Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Người chồng ký

Người vợ ký

Đại diện Nguyễn Văn Ngai

NHẬN THUỐC SẠCH BÀN CHÍNH

Ngày 05 tháng 4 năm 83

TM / UBND

Ký tên đóng dấu

Viện Thư Kê

NGUYỄN VĂN MƯỜI

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT8/P3

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Xã, thị trấn: Xã An KhánhThị xã, quận: Thị xã Thủ ĐứcThành phố, tỉnh: Hồ Chí Minh

GIẤY CHỨNG TỬ

Số 452Quyển số 01

Họ và tên	NGUYỄN THỊ XE
Nam hay nữ	Nữ
Sinh ngày, tháng, năm	14 - 5 - 1950
Dân tộc	Kinh
Quốc tịch	Niên Toàn
Nơi ĐKNK thường trú	19/2 ấp Đình Xã An Khánh Thị xã Thủ Đức
Ngày, tháng, năm chết	10 - 11 - 1988
Nơi chết	19/2 ấp Đình Xã An Khánh Thị xã Thủ Đức
Nguyên nhân chết	Bệnh liệt
Họ, tên, tuổi người báo tử	Nguyễn Bích Toàn
NĐKNK thường trú	19/2 ấp Đình Xã An Khánh Thị xã Thủ Đức
Số giấy CM, giấy CNCC	0214 28909
Quan hệ với người chết	Con

Đăng ký ngày 12 tháng 11 năm 1988

TM/UBND

Xã An Khánh

(Ký tên đóng dấu)

P. Bùi Công



Trịnh Văn Thành

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 962977 CN

Họ và tên chủ hộ :

NGUYỄN THỊ XÊ

Ấp, ngõ, số nhà :

19/2 Ấp Dinh

Thị trấn, đường phố :

Nguyễn Trường Sơn

Xã, phường :

An Khánh

Huyện :

Thị Đức

Ngày 10 tháng 03 năm 1982

Trưởng công an : Bùi Đức

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Số NK 3 :

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

ĐOÀN NỘI VỤ
Trại 1 Hàm Tân

CONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31/5/81 của Bộ công an
Thi hành quyết định của số 11/QĐ ngày 8 tháng 1 năm
1982 của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây

Họ, tên khai sinh : NGUYỄN BÍCH NGÂN
Họ, tên thường gọi :
Họ, tên bí danh :
Sinh năm : 1942
Nơi sinh : Trà vinh
Tru quan : 26 lô 1 ấp 7-Tân quy đông-Nhà bè-tp Hồ chí M
Cạn tội : Đại úy SQ báo trị
Bắt ngày : 27/6/75
Án phạt : TTCT
Nay về cư trú tại : 95 khóm 3, phường 5-Px-trà vinh -Cửu long

NHAN XÉT CỦA TRÌNH CẢI TẠO TẠO

Tư tưởng : Bề ngoài tỏ ra an tâm học tập cải tạo không có biểu
hiện gì xấu
Lao động : Tham gia đủ ngày công tích cực tự giác chất lượng lao
động khá
Nội quy : Chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn
Học tập : Tham gia học tập đều nhận thấy được tội lỗi

(Quản chế 12 tháng)

Tay ngón trỏ phải Họ, tên chữ ký của người : /) / ngày 21 tháng 1 năm 1982
a : NGUYỄN BÍCH NGÂN được cấp giấy GIẤM THỊ

Trung tá : PHẠM HUỆ

Nguyễn Bích Ngân



QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

ODP IV

Date : 4 - 9 - 1986

Orderly Departure Office
Paukabhum Buiding
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. Lý lịch căn bản

1. Họ, tên : NGUYỄN ĐÍCH NGÂN Phái : Nam
2. Họ, tên khác : Không
3. Ngày nơi sinh : 2 - 10 - 1942 Trà Vinh
4. Địa chỉ thường trú: 19/2 Ấp Đình - An Khánh - Thủ Đức Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Địa chỉ thư : 19/2 Ấp Đình - An Khánh - Thủ Đức Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Nghề nghiệp hiện tại: Đãi tranh.

B. Bà con đi cùng với tôi

Họ	Tên	Ngày/tháng năm sinh	Nơi sinh	Phái	Tình trạng gia đình	Liên hệ gia đình
1.	NGUYỄN HỮU PHÚC	23-08-1971	Trà Vinh	Nam	Độc thân	Con
2.	NGUYỄN THIÊN DUYÊN	05-02-1973	Gia Định	Nữ	Độc thân	Con
3.	NGUYỄN THIÊN LỘC	08-10-1986	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Còn nhỏ	Con

Q. Họ hàng ở ngoại quốc

- | | | | |
|--|-----------------------------------|---|--------------------------|
| : 1. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ : | | : | Của vợ tôi |
| | Của tôi | : | |
| : a. Họ, tên | : NGUYỄN HỮU HOÀNG | : | : NGUYỄN VĂN BÔNG |
| : b. Liên hệ gia đình | : Anh chú bác | : | : Bà chú Bác |
| : c. Địa chỉ | : 5422 Baltimore St LA - CA 90042 | : | : |
| | : USA | : | : |
| : d. Ngày bà con đến Mỹ | : 1975 | : | : 1975 |
| : 2. Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác. | | : | |
| | Của tôi | : | Của vợ tôi |
| : a. Họ, tên | : | : | : (1. NGUYỄN VĂN ON |
| : b. Liên hệ gia đình | : | : | : (2. Anh ruột |
| : c. Địa chỉ | : | : | : |
| : | : | : | : |
| : | : | : | : |
| : | : | : | : |
| : | : | : | : |
| : | : | : | : 2. NGUYỄN THI PHỤNG |
| : | : | : | : Em ruột |
| : | : | : | : cùng địa chỉ |
| : | : | : | : 3. NGUYỄN THI THÁI HÒA |
| : | : | : | : Em ruột |
| : | : | : | : Cùng địa chỉ. |
| : d. Ngày bà con đi Úc : | : | : | : |
| : 1. NGUYỄN VĂN ON | : 1984 | : | : |
| : 2. NGUYỄN THI PHỤNG | : 1982 | : | : |
| : 3. NGUYỄN THI THÁI HÒA | : 1982 | : | : |

D. Danh sách Toàn thể Gia-Đình

- | | | | |
|---------------|-------------------------|--------|--------|
| 1. Cha | : NGUYỄN-HỮU-DÃ | (sống) | |
| 2. Mẹ | : LÃ THI NHẤT | (sống) | |
| 3. Vợ | : NGUYỄN THI XÊ | (chết) | |
| 4. Vợ trước | : NGUYỄN THI BẠCH TUYẾN | (sống) | ly dị) |
| 5. Con cái | : NGUYỄN HỮU PHÚC | (sống) | |
| | : NGUYỄN THIÊN DUYÊN | (sống) | |
| | : NGUYỄN THIÊN LỘC | (sống) | |
| 6. Anh chị em | : NGUYỄN BÍCH VÂN | (sống) | |
| | : NGUYỄN BÍCH HẢI | (sống) | |
| | : NGUYỄN THANH MỸ | (sống) | |
| | : NGUYỄN NHƯ NGUYỄN | (sống) | |
| | : NGUYỄN HỮU TÀI | (sống) | |
| | : NGUYỄN THI TRANG | (sống) | |

E. Bạn hoặc vợ đã có làm việc cho công sở Chính Phủ Mỹ hoặc hàng Mỹ.

Không

F. Bạn hoặc vợ đã công vụ với Chính phủ Việt Nam :

- | | |
|---------------------------------|---|
| 1. Họ tên người tham gia | : NGUYỄN BÍCH NGÂN |
| 2. Ngày tháng năm | : Từ tháng 8/1966 đến 30-4-1975 |
| 3. Cấp bậc cuối cùng | : Đại úy - Ho tên nhân viên 62A 702768 |
| 4. Đơn vị binh chủng | : Bộ chỉ huy Yểm Trợ Tiếp vận Hải Quân, HẢI QUÂN. |
| 5. Họ tên người Sĩ quan chỉ huy | : Hải Quân Đại Tá NGUYỄN KHÁC LUYẾN |
| 6. Lý do Nghỉ việc | : Di chuyển tháng 4/1975 |
| 7. Họ tên cố vấn Mỹ | : Hải quân Đại úy SPEND - Cố vấn tàu HQ 329 năm 1972 ở
Việt Nam và phòng quân trị nhân viên tại Naval Amphibious
School-Naval Amphibious base Coronado, San Diego, CA 92155
năm 1974 |

G. Các khóa huấn luyện Hoa Kỳ tại Việt Nam :

- Khóa Huấn luyện bơi lội và cứu cấp thủy nạn @. JAMCROSS (3 tháng) năm 1966
- Khóa sinh ngữ tại trường Boat School (1 năm) năm 1971

B. Phần thưởng hoặc giấy khen :

- 1 Quân phong bội tinh
- 2 Chiến dịch bội tinh.

G. Bạn hoặc vợ đã huấn luyện ở ngoại quốc.

- | | |
|-------------|--|
| - Họ và tên | : NGUYỄN BÍCH NGÂN |
| Năm 1968 | : Thực tập trên tàu DD 634 thuộc hạm đội 7 (2 tháng) (WEIDERBURG) |
| Năm 1971 | : Học khóa người nhái Toán " Seal Team II " tại PORTO RICO (1 tháng) |
| Năm 1972 | : Sửa chữa Tàu HQ 329 tại Phi Luật Tân (6 tháng) |
| Năm 1974 | : Học khóa "Naval Gunfire liaison Officer Course" |

Địa chỉ : Naval Amphibious School

Naval Amphibious base Coronado, San Diego, CA.92155

Hoa Kỳ

H. Bạn hoặc vợ đã học tập cải tạo.

- | | |
|------------------------------------|---|
| 1. Họ tên người đi học tập cải tạo | : NGUYỄN BÍCH NGÂN |
| 2. Thời gian học tập | : Từ 23/6/1975 - 28-1-1982 và 1 năm quản chế từ 28-1-82 đến 28-1-83 |
| 3. Văn còn học tập cải tạo không | : Không |

I. Cuộc chú - Phụ thuộc:

Gia đình tôi mong muốn được hưởng những điều khoản nhậm đạo trong văn kiện ODP do 2 chính phủ Việt Nam và Hoa Kỳ đã thỏa thuận.

Ký tên :

Ngày 10 tháng 8 năm 1989

NGUYỄN-BÍCH-NGÂN

CONTROL

Card

Request, Form

Form

Form

Form "B"

ODP/Date

Membership Letter

9/21/89